

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NĐ
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10-5-2022

V/v ly hôn giữa chị T và anh Đ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NĐ, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tổng Thị Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Kim Cúc

Ông Đoàn Hồng Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố NĐ, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NĐ, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ích Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố NĐ, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27-4-2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1980; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 12C 3 tầng số 7 đường PBC, phường TĐN, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số 3A 3 tầng số 5 đường PBC, phường TĐN, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Huy Đ, sinh năm 1971; nơi cư trú: Số 12C 3 tầng số 7 đường PBC, phường TĐN, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình ngày 27-02-2022, trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Trần Huy Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TĐN, thành phố NĐ, tỉnh

Nam Định vào ngày 26-12-2011. Hai bên đều đã có con riêng và kết hôn lần này đều là lần thứ hai. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng quan điểm sống, anh Đ không quan tâm, không có trách nhiệm với gia đình. Nhiều năm nay, bản thân chị cũng đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Thời gian gần đây, anh Đ và con riêng của chị T xảy ra mâu thuẫn nên anh Đ đuổi con riêng của chị ra khỏi nhà. Chị T và các con chuyển đi nơi khác sống và vợ chồng đã sống ly thân 7 tháng nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh Trần Huy Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Trần Đức D, sinh ngày 11-3-2013. Hiện nay con chung đang sống cùng chị T. Nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Hai bên tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị ngày 27-4-2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn anh Trần Huy Đ trình bày: Thời gian và việc đăng ký kết hôn đúng như chị T trình bày. Vợ chồng chung sống đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Đ vô tâm, không quan tâm và có trách nhiệm với vợ con. Anh Đ đã nhận ra khuyết điểm của mình nhưng tính cách anh bảo thủ không xin lỗi vợ con để mâu thuẫn kéo dài. Nay trước hội đồng xét xử anh Đ chân thành xin lỗi chị T mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Nếu chị T vẫn kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Đ cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Hai bên tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên thu thập tài liệu chứng cứ ngày 17-3-2022 của Tòa án nhân dân thành phố ND, chính quyền địa phương xác nhận vợ chồng chị T và anh Đ có xảy ra mâu thuẫn và hiện nay anh chị đang sống ly thân, mỗi người một nơi. Chị T và anh Đ có 01 con chung là Trần Đức D, sinh ngày 11-3-2013. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và con chung với anh Đ, đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị, nếu không được đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại đơn đề nghị ngày 10-3-2022, cháu Trần Đức D (con đẻ của chị T và anh Đ) trình bày nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng nếu bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ND, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:

Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tại phiên toà, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật,

Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nay hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xử lý hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Trần Huy Đ. Về con chung: Chị T và anh Đ đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng con chung có nguyện vọng ở với mẹ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị T, giao cho chị Bùi Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Chị T là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Trần Huy Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TĐN, thành phố ND, tỉnh Nam Định theo số đăng ký số 92 ngày 26-12-2011 nên hôn nhân giữa chị T và anh Đ là hôn nhân hợp pháp.

[2] Về tình cảm: Quá trình chung sống, chị T và anh Đ xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng quan điểm sống. Anh Đ không quan tâm, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Mối quan hệ giữa cha dượng và con riêng của chị T không tốt đẹp nên mâu thuẫn vợ chồng càng căng thẳng. Chị T và các con đã chuyển đi nơi khác sống, vợ chồng đã sống ly thân. Nay, chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng không có khả năng hàn gắn, vợ chồng không còn tình cảm và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Anh Đ không đồng ý ly hôn vì vẫn có tình cảm với vợ nhưng lại không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải. Điều đó chứng tỏ anh Đ không có thiện chí hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Đ ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ cho ly hôn giữa chị T và anh Đ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị T và anh Đ có 01 con chung là Trần Đức D, sinh ngày 11-3-2013. Chị T và anh Đ đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con của chị T và anh Đ đều là chính đáng, hai bên đều có thu nhập ổn định nhưng anh Đ không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải để thể hiện quan điểm quyết tâm giành quyền nuôi con của mình. Mặt khác, cháu Dương hiện đang sống với chị T và cũng có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng sau khi bố mẹ ly hôn. Để ổn định tâm sinh lý và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung khi bố mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị T giao cho chị Bùi Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Trần Đức D, sinh ngày 11-3-2013 theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị T không yêu cầu anh Trần Huy Đ cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Hai bên tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chị Bùi Thị T là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Trần Huy Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Đức D, sinh ngày 11-3-2013 cho chị Bùi Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị T không yêu cầu anh Trần Huy Đ cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Khấu trừ khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị Bùi Thị T đã nộp tại biên lai số 0005163 ngày 01-3-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố ND. Chị Bùi Thị T đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị T và anh Trần Huy Đ có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. *Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì chị Bùi Thị T và anh Trần Huy Đ có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố ND;
- Chi cục THADS TP. ND;
- UBND phường TĐN, thành phố ND, tỉnh Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tổng Thị Kim Phụng

